TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tòng

Ông Lê Minh Thư

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Kim Hồ là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M quen biết nhau từ năm 1997. Hôn nhân do đôi bên quen biết tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình đôi bên ông bà có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương.

Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2022.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 2006 thì ông bà chuyển về sống tại ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 23 năm.

Vợ chồng có 02 người con:

Nguyễn Thị Diễm M1, sinh năm 1997

Nguyễn Văn Chí H, sinh năm 2002

Hiện 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, quá trình chung sống vợ chồng không tạo ra tài sản chung.

Về nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường hay phát sinh mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến thường gây gỗ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay, hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên ông quyết định xin ly hôn bà M.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa Án Nhân Dân huyện Bình Tân giải quyết những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Về quan hệ tài sản: Không có tranh chấp về tài sản

Về nợ: Không có nợ chung.

Tại bản khai đề ngày 19/11/2024 bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông L cưới nhau năm 1997, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống có 02 con chung, hiện nay đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng tự thỏa thuận. Bà đồng ý ly hôn với ông L. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị M với lý do ông và bà M bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Về con chung: Nguyễn Thị Diễm M1, sinh năm 1997; Nguyễn Văn Chí H, sinh năm 2002, đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị M; về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung, nợ chung ông L không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không phải tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét cuộc sống gia đình giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M không hạnh phúc, ông, bà không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Ông Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M cũng đồng ý ly hôn với ông L.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

[3.2]Về con chung: Nguyễn Thị Diễm M1, sinh năm 1997; Nguyễn Văn Chí H, sinh năm 2002, đã trưởng thành. Nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Diễm M1, sinh năm 1997; Nguyễn Văn Chí H, sinh năm 2002, đã trưởng thành.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0000162 ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, ông Nguyễn Văn L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Bình Tân;
-Chi cục THADS huyện Bình Tân;
-Các đương sự:
-Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương